

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1OLV**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02073**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục QP - An ninh**
Số tín chỉ: **2**

Năm học: **22-23**
Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011205	Đặng Văn Bé Ba	30/04/1989			10	6	9.0				9.4		9.0
2	2253801011206	Lê Bình Chiến	10/04/1990			8	8	7.5				4.4	9.0	8.5
3	2253801011207	Trần Ngọc Diễm	17/01/1984			7	8	8.5				7.6		7.8
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng Giang	12/12/1993			9	8	9.5				9.0		9.0
5	2253801011209	Trần Nhật Hào	17/10/1999			8	7	8.0				9.4		8.7
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12/03/1987			9	7	8.5				9.4		8.9
7	2253801011211	Trần Công Hậu	19/01/1991			8	9	8.5				8.6		8.6
8	2253801011212	Nguyễn Văn Hết	18/04/1979			7	6	7.0				3.2	9.8	8.6
9	2253801011213	Kha Văn Hòa	08/04/1971			9	7	8.5				8.8		8.6
10	2253801011214	Mai Thanh Hoàng	01/01/1982			9	8	9.0				5.2		6.6
11	2253801011215	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1992			8	9	9.0				9.0		8.9
12	2253801011217	Huỳnh Văn Khải	02/08/1992			8	7	9.0				9.0		8.7
13	2253801011218	Trần Thị Liên	23/04/1992			7	9	8.5				8.8		8.6
14	2253801011219	Phan Thị Liễu	10/01/1984			7	8	9.0				8.6		8.5
15	2253801011220	Nguyễn Huy Long	02/03/1988			6	8	9.5				9.6		9.1
16	2253801011221	Trần Văn Ngà	30/04/1989			10	8	9.0				9.8		9.5
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo Ngân	28/12/1993			6	8	9.0				9.8		9.1
18	2253801011225	Lê Văn Quý	21/09/1974			7	9	9.0				2.0	8.8	8.7
19	2253801011226	Trần Hữu Sang	19/01/1989			6	8	8.5				9.2		8.6

Châu Đốc, ngày 4 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Chương